

Bản án số: 22/2023/HS-ST.
Ngày: 09.6.2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Lê L

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Phan Thanh L;

Bà: Nguyễn Thị D;

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu T là Thư ký Toà án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đức A – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. *Bùi Hữu T*, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh ngày 02 tháng 3 năm 1987 tại tỉnh B; Nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn Q, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: thợ hồ; Trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông: Bùi C, SN: 1956 và bà: Nguyễn Thị C, SN: 1961; Vợ: Nguyễn Thị Đỗ Q, SN: 1985; con: có 02 người, lớn nhất SN: 2007, nhỏ nhất SN: 2012; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 13/4/2023 bị TAND huyện P xét xử về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng bị cáo đang kháng cáo chưa xét xử phúc thẩm nên bản án số 33/HS-ST ngày 13/4/2023 chưa có hiệu lực pháp luật; Bị cáo bị bắt tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 28.02.2023 cho đến ngày 09.3.2023 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09.3.2023 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. *Nguyễn Tiến D*, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh ngày 08 tháng 8 năm 1991 tại tỉnh B; Nơi cư trú: Khu phố O, thị trấn Q, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn Đ, SN: 1967 và bà:

Đoàn Thị D (Chết); Vợ: Bùi Thị Thanh H, SN: 1999; Con: có 02 người, lớn nhất SN: 2017, nhỏ nhất SN: 2019; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 28.02.2023 cho đến ngày 09.3.2023 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09.3.2023 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. *Bùi Hữu H*, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh ngày 16 tháng 3 năm 1996 tại tỉnh B; Nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn Q, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: lái xe; Trình độ học vấn: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông: Bùi C, SN: 1956 và bà: Nguyễn Thị C, SN: 1961; Vợ: Nguyễn Thị Ngọc N, SN: 1997; Con: có 01 người SN: 2020; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 28.02.2023 cho đến ngày 09.3.2023 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09.3.2023 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. *Nguyễn Ngọc N*, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh ngày 18 tháng 3 năm 1993 tại tỉnh B; Nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn Q, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông: Không rõ họ tên và bà: Nguyễn Thị T, SN: 1968; Vợ: Hồ Thị Minh H, SN: 1995; con: có 01 người, SN: 2022; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 28.02.2023 cho đến ngày 09.3.2023 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09.3.2023 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. *Đoàn Thị Bích V*, tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; Sinh ngày 10 tháng 02 năm 1995 tại tỉnh B; Nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn Q, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: mua bán; Trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông: Đoàn Văn T, SN: 1967 và bà: Võ Thị H, SN: 1971; Chồng: Đỗ Minh C, SN: 1988, con: có 01 người, SN: 2021; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08.3.2023 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Tấn S – SN: 1987; Nơi cư trú: Khu phố O, thị trấn Q, huyện A, tỉnh B. (Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Việt E – SN: 1978; Nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn Q, huyện A, tỉnh B. (Vắng mặt)

3. Anh Trần Văn U – SN: 1991; Nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn Q, huyện A, tỉnh B. (Vắng mặt)

4. Anh Nguyễn Thanh M – SN: 1974; Nơi cư trú: Thôn R, xã X, huyện A, tỉnh B. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 28/02/2023, Bùi Hữu T rủ một số người ở cùng địa phương đến nhà T để đánh bạc thắng thua bằng tiền, dưới hình thức đánh Bầu, cua, tôm, cá, gà, nai (gọi tắt là bầu cua), do T trực tiếp cầm cái. Sau đó có Nguyễn Ngọc N, Bùi Hữu H, Nguyễn Tiến D, Đoàn Thị Bích V và một số người khác đến nhà T.

Lúc đầu, T cầm cái, rung bầu cua, chung chi tiền thắng thua cho N, H, V tham gia đặt cược, đến khoảng 16 giờ cùng ngày, do bận công việc nên T nhờ Nguyễn Tiến D tham gia cầm cái cho T; D đồng ý nên T đưa 6.000.000 đồng cho D cầm cái.

Trong quá trình đánh bạc, Bùi Hữu T và Nguyễn Tiến D dùng số tiền 6.000.000 đồng để cầm cái và thắng được 3.340.000 đồng; Bùi Hữu H dùng số tiền 170.000 đồng để đánh bạc, thua 150.000 đồng; Nguyễn Ngọc N dùng số tiền 740.000 đồng để đánh bạc, thua 200.000 đồng; Đoàn Thị Bích V dùng số tiền 700.000 đồng để đánh bạc, thua 700.000 đồng.

Chiều bạc đánh đến 17 giờ cùng ngày thì bị Tổ công tác của Công an huyện A kiểm tra, bắt quả tang Nguyễn Tiến D, Bùi Hữu T, Bùi Hữu H, Nguyễn Ngọc N, Đoàn Thị Bích V đang đánh bạc; còn một số đối tượng khác bỏ chạy thoát. Thu giữ trên chiếu bạc, trong người các con bạc số tiền dùng để đánh bạc và dụng cụ đánh bạc. Cụ thể:

Tổng số tiền dùng để đánh bạc là: 9.900.000 đồng;

Dụng cụ dùng để đánh bạc gồm: 03 hộp xúc xắc hình lập phương, 01 tờ giấy có in hình các con bầu, cua, tôm, cá, gà, nai; 01 tô nhôm; 01 đĩa nhôm.

(Đã chuyển giao cho chi cục THADS huyện A)

Tại bản cáo trạng số: 23/CT-VKSPC, ngày 22.5.2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố các bị cáo: Bùi Hữu H, Nguyễn Tiến D, Bùi Hữu T, Nguyễn Ngọc N và Đoàn Thị Bích V về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tại phiên Tòa, đại diện VKSND huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo: Bùi Hữu T, Nguyễn Tiến D, Bùi Hữu H, Nguyễn Ngọc N và Đoàn Thị Bích V về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS và không có bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Bùi Hữu T với mức phạt từ 22.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt các bị cáo Nguyễn Tiến D, Bùi Hữu H, Nguyễn Ngọc N và Đoàn Thị Bích V với mức phạt từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Đề nghị HĐXX xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Trong phần tự bào chữa, các bị cáo Bùi Hữu T, Nguyễn Tiến D, Bùi Hữu H, Nguyễn Ngọc N và Đoàn Thị Bích V đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến gì. Lời nói sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: Ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2] Xét nội dung của vụ án và hành vi của các bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý để kết luận:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 28.02.2023, Bùi Hữu T, Nguyễn Tiến D, Bùi Hữu H, Nguyễn Ngọc N và Đoàn Thị Bích V cùng nhau đánh bạc trái phép dưới hình thức đặt bầu cua được thắng thua bằng tiền tại nhà của Bùi Hữu T tại C - Q – A. Trong lúc các con bạc đang sát phạt nhau thì bị cơ quan CSĐT Công an huyện A bắt quả tang thu giữ với tổng số tiền đánh bạc trên chiếu bạc và trong người các con bạc là 9.900.000 đồng.

Tuy vụ án có nhiều người cùng tham gia nhưng chỉ mang tính đồng phạm giản đơn và không có tính chất chuyên nghiệp. Trong đó vai trò của Bùi Hữu T đã rủ rê nhiều người đến nhà mình thành lập chiếu bạc cho nhiều người cùng tham gia. Bản thân T cũng tham gia chiếu bạc với vai trò cầm cái. Do đó, phải xét xử bị cáo với mức án nghiêm khắc và cao hơn so với đồng bọn.

Đối với các bị cáo Nguyễn Tiến D, Bùi Hữu H, Nguyễn Ngọc N và Đoàn Thị Bích V là những người tham gia đánh bạc. Riêng bị cáo Nguyễn Tiến D, còn có vai trò tiếp quản cầm cái thay cho bị cáo Bùi Hữu T trong khoảng thời gian ngắn thì bị bắt quả tang. Do đó, các bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi phạm tội.

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng và an toàn xã hội ở địa phương, đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

[3] Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của các bị cáo đã thực hiện, hậu quả đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố các bị cáo Bùi Hữu T, Nguyễn Tiến D, Bùi Hữu H, Nguyễn Ngọc N và Đoàn Thị Bích V về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: các bị cáo Bùi Hữu T, Nguyễn Tiến D, Bùi Hữu H, Nguyễn Ngọc N và Đoàn Thị Bích V về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS nên cần xét xử các bị cáo với mức án nghiêm minh, để cải tạo giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng:

Các bị cáo Bùi Hữu T, Nguyễn Tiến D, Bùi Hữu H, Nguyễn Ngọc N và Đoàn Thị Bích V phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Chỉ vì ham vui và để tước đoạt tài sản của nhau nên đã tụ tập để đánh bạc trái phép, xét các bị cáo chủ yếu là người lương thiện và số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc không lớn. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Tiến D, Bùi Hữu H, Nguyễn Ngọc N và Đoàn Thị Bích V đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đó là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Đối với bị cáo Bùi Hữu T, xét thấy nhân thân xấu, đã bị TAND huyện P xét xử về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng bị cáo đang kháng cáo, chưa xét xử phúc thẩm nên bản án số 33/HS-ST ngày 13/4/2023 chưa có hiệu lực pháp luật nên không thuộc trường hợp tái phạm, do đó, bị cáo chỉ được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là khai báo thành khẩn quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định trên nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng:

Dụng cụ dùng để đánh bạc gồm: 03 hộp xúc xắc hình lập phương, 01 tờ giấy có in hình các con Bầu, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai; 01 thau nhôm, 01 đĩa nhôm (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng đã mô tả kèm theo hồ sơ vụ án) hiện đang tạm giữ tại Chi cục THADS huyện A, HĐXX xét thấy vật chứng này trực tiếp liên quan đến vụ án; nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với Số tiền 9.900.000 đồng Việt Nam là số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là công cụ liên quan đến vụ án nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[5] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135, Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và các điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Bùi Hữu T, Nguyễn Tiến D, Bùi Hữu H, Nguyễn Ngọc N và Đoàn Thị Bích V phải chịu án phí HSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Hữu T;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Tiến D, Bùi Hữu H, Nguyễn Ngọc N và Đoàn Thị Bích V

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106, Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; các điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Hữu T, Nguyễn Tiến D, Bùi Hữu H, Nguyễn Ngọc N và Đoàn Thị Bích V phạm tội “Đánh bạc”.

1.1. Xử phạt: Bị cáo Bùi Hữu T **25.000.000 đồng** (Hai mươi lăm triệu đồng).

1.2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tiến D **20.000.000 đồng** (Hai mươi triệu đồng).

1.3. Xử phạt: Bị cáo Bùi Hữu H **20.000.000 đồng** (Hai mươi triệu đồng).

1.4. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc N **20.000.000 đồng** (Hai mươi triệu đồng).

1.5. Xử phạt: Bị cáo Đoàn Thị Bích V **20.000.000 đồng** (Hai mươi triệu đồng).

Tổng số tiền bị xử phạt sung ngân sách Nhà nước.

2. Xử lý vật chứng:

2.1. Tịch thu, tiêu hủy: 03 hộp xúc xắc hình lập phương; 01 tờ giấy có in hình các con Bào, Cua, Tôm, Cá, Gà, Nai; 01 tô nhôm, 01 đĩa nhôm (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng đã mô tả kèm theo hồ sơ vụ án) hiện đang tạm giữ tại Chi cục THADS huyện A.

2.2. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 9.900.000 đồng (Chín triệu chín trăm ngàn đồng), hiện đang tạm giữ tại Chi cục THADS huyện A.

3.Về án phí: Các bị cáo Bùi Hữu T, Nguyễn Tiến D, Bùi Hữu H, Nguyễn Ngọc N và Đoàn Thị Bích V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

4.Về Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện A;
- Cơ quan THAHS Công an huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Lê L